BÀI GIẢNG: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP, THUỶ SẢN
CHUYÊN ĐỀ: ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ
MÔN: ĐỊA LÍ 12
GIÁO VIÊN: VŨ HẢI NAM

MỤC TIÊU

- ✓ *Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển lâm nghiệp và trình bày được tình hình phát triển, phân bố lâm nghiệp và bảo vệ tài nguyên rừng*
- ✓ *Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển thủy sản và trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu, tình hình phát triển, phân bố ngành thủy sản.*

I. LÂM NGHIỆP

1 Thế mạnh và hạn chế

Thế mạnh

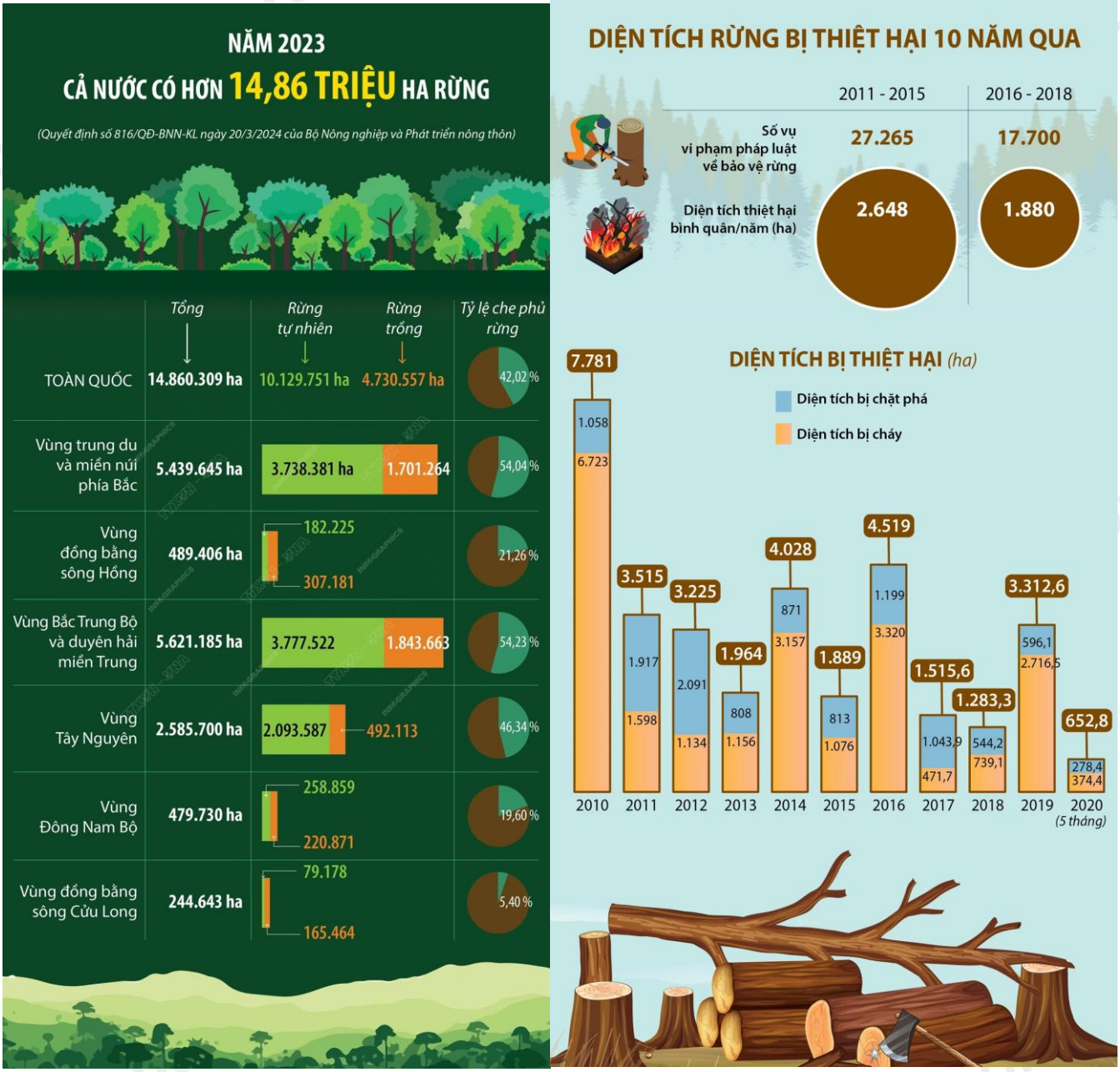
- Diện tích: 14,7 triệu ha (2021)
- Độ che phủ: 42%
- Khí hậu: Nhiệt đới ẩm gió mùa -> trồng, tái sinh các HST rừng
- Khoa học – công nghệ: được hoàn thiện triển khai và áp dụng rộng rãi
- Chính sách: giao đất, giao rừng, trồng và bảo vệ rừng, đóng cửa rừng tự nhiên, thu hút đầu tư xanh…
- Người dân có kinh nghiệm, nhu cầu sản phẩm lâm nghiệp ngoài gỗ càng lớn

Hạn chế

- Chất lượng rừng còn thấp
- Biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp



2 Tình hình phát triển và phân bố của lâm nghiệp



a. Lâm sinh

STT	Chỉ tiêu	2010	2015	2021
1	Tổng diện tích rừng (triệu ha)	13,4	14,1	14,7
	- Rừng tự nhiên	*10,3*	*10,2*	*10,1*
	- Rừng trồng	*3,1*	*3,9*	*4,6*
2	Sản lượng gỗ khai thác (triệu m^3)	4,0	11,4	18,4

- Diện tích rừng trồng tăng liên tục qua các năm
- Trong giai đoạn 2010 – 2021: mỗi năm trồng mới hơn 260 nghìn ha
- Các vùng có diện tích rừng trồng mới nhiều là:

+ Trung du và miền núi Bắc Bộ. (hiện nay là vùng Trung du và miền núi phía Bắc)

+ Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (hiện nay được tách thành 2 vùng độc lập: Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ)

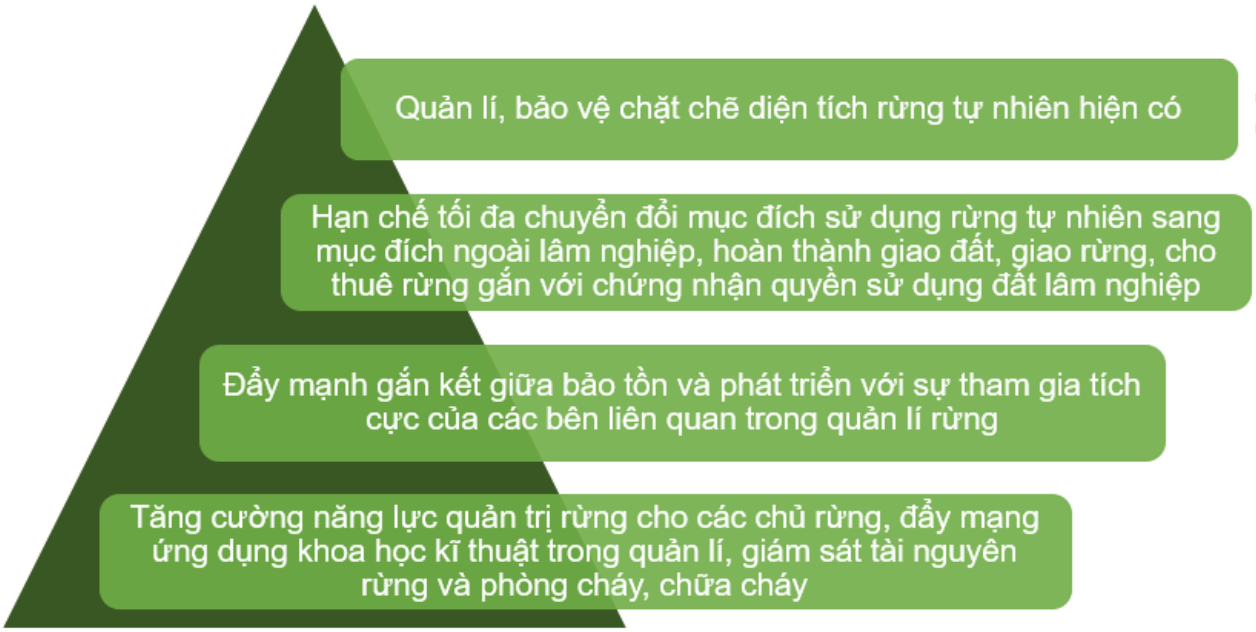
+ Tây Nguyên (hiện nay thuộc vùng Nam Trung Bộ)

b. Khai thác, chế biến gỗ và lâm sản

- Sản lượng gỗ khai thác: 18,4 triệu m^3, có xu hướng tăng liên tục => Công nghiệp chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ chủ động được nguyên liệu.

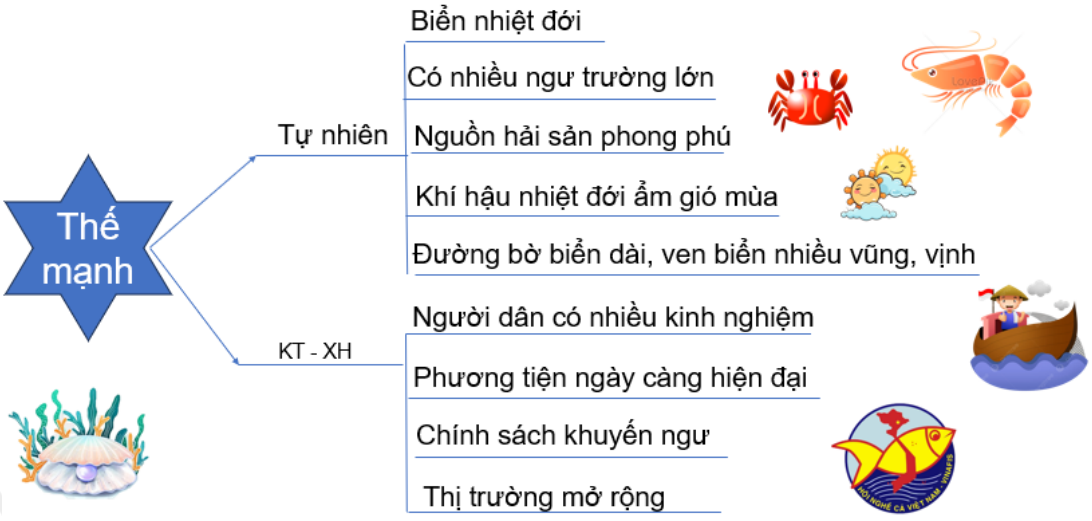
- Phân bố: Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, Trung du và miền núi Bắc Bộ (hiện nay là các vùng Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Trung du và miền núi phía Bắc)

3 Vấn đề quản lí và bảo vệ tài nguyên rừng



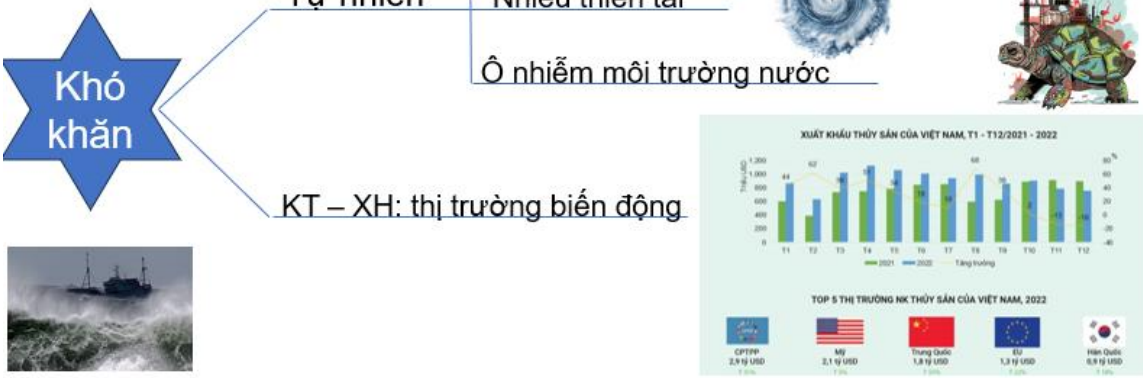
II. SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP

1 Thế mạnh và hạn chế









2 Tình hình phát triển và phân bố ngành thuỷ sản

Bảng 10.5. Sản lượng thuỷ sản ở nước ta giai đoạn 2010 – 2021

(Đơn vị: triệu tấn)

Chỉ tiêu \ Năm	2010	2015	2021
Sản lượng khai thác	2,5	3,2	3,9
Sản lượng nuôi trồng	2,7	3,5	4,9
Tổng sản lượng	**5,2**	**6,7**	**8,8**

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, 2022)

- Giá trị sản xuất ngành thủy sản liên tục tăng.
- Năm 2021 chiếm 23,7%, tốc độ tăng bình quân là hơn 6%/năm
- Nuôi trồng chiếm tỉ trọng ngày càng cao.
- Sản lượng khai thác tăng.
- Đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.
- Phân bố: Kiên Giang (hiện nay thuộc tỉnh An Giang), Cà Mau, Đồng Tháp….

ĐỀ BÀI

Câu 1: Khó khăn nào sau đây là chủ yếu đối với nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay?

A. Dịch bệnh thường xuyên xảy ra trên diện rộng.

B. Nguồn giống tự nhiên ở một số vùng khan hiếm.

C. Diện tích mặt nước ngày càng bị thu hẹp nhiều.

D. Nhiều nơi xâm nhập mặn diễn ra rất nghiêm trọng.

Câu 2: Diện tích rừng sản xuất nước ta tập trung chủ yếu ở

A. vùng đồi, trung du.

B. vùng ngập mặn ven biển.

C. vùng giáp biên giới.

D. dải đồi núi giáp biển.

Câu 3: Thuận lợi chủ yếu của biển nước ta đối với việc khai thác thủy sản nước ta là

A. tàu thuyền, ngư cụ được trang bị tốt hơn.

B. dịch vụ thủy sản phát triển rộng khắp.

C. chế biến thủy sản ngày càng phát triển.

D. nhân dân có kinh nghiệm khai thác thủy sản.

Câu 4: Ngành lâm nghiệp có vị trí đặc biệt trong cơ cấu kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ nước ta do

A. nhu cầu về tài nguyên rừng rất lớn và phổ biến.

B. diện tích ¾ là đồi núi, lại có vùng rừng ngập mặn ven biển.

C. độ che phủ nước ta tương đối lớn và hiện đang gia tăng.

D. rừng giàu có về kinh tế và môi trường sinh thái.

Câu 5: Cho đoạn văn sau, hãy chọn đúng hoặc sai

Tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt 5,0 – 5,5%/năm. Giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản ngoài gỗ đạt khoảng 20 tỷ USD vào năm 2025, trong đó giá trị xuất khẩu lâm sản ngoài gỗ đạt trên 1,5 tỷ USD, tăng tỷ trọng chế biến sâu và xuất khẩu các sản phẩm gỗ và lâm sản có giá trị tăng cao; góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người tham gia các hoạt động bảo vệ rừng và phát triển rừng. Đến năm 2025, thu nhập từ rừng trồng là rừng sản xuất tăng bình quân khoảng 1,5 lần/đơn vị diện tích so với năm 2020.

(Nguồn: https://baochinhphu.vn/phat-trien-lam-nghiep-tro-thanh-nganh-kinh-te-ky-thuat-hien-dai-102220712121716965.htm)

a. Tăng tỷ trọng chế biến sâu, xuất khẩu các sản phẩm gỗ và lâm sản có giá trị.

b. Tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp giảm và giảm 5,0%/năm.

c. Rừng góp phần tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

d. Giá trị xuất khẩu lâm sản ngoài gỗ đạt dưới 1,5 tỷ USD.

Câu 6: Cho đoạn văn sau, hãy chọn đúng hoặc sai

Ngành thủy sản đã có những bước phát triển và hội nhập với nhiều thành tựu nổi bật. Đặc biệt, trong giai đoạn từ năm 1995 đến nay, ngành thủy sản đã đạt những bứt phá vượt bậc. Sản lượng thủy sản năm 2023 đạt hơn 9,3 triệu tấn, gấp 7,1 lần so với năm 1995, nuôi trồng thủy sản đạt 5,5 triệu tấn, gấp hơn 5 lần so với năm 1995. Cơ cấu sản lượng thủy sản có bước chuyển dịch tích cực, tỷ trọng sản lượng nuôi trồng tăng từ 31% năm 1995 lên gần 57% năm 2023. Sản phẩm thủy sản Việt Nam đã xuất khẩu tới hơn 170 thị trường, kim ngạch

xuất khẩu lần đầu vượt ngưỡng 1 tỷ USD năm 1999 và gần 11 tỷ USD năm 2022, đưa Việt Nam vào vị trí số 3 trong số các quốc gia xuất khẩu thủy sản lớn nhất thế giới (chỉ đứng sau Trung Quốc và Na Uy).

(Nguồn: https://tongcucthuysan.gov.vn/vi-vn/th%E1%BB%A7y-s%E1%BA%A3n-vi%E1%BB%87t-nam/doc-tin/020521/2024-04-02/phat-trien-ben-vung-kinh-te-bien-viet-nam)

a. Trong giai đoạn 1995 – 2023, sản lượng thủy sản có xu hướng giảm.

b. Tỷ trọng sản lượng nuôi trồng thủy sản có xu hướng tăng.

c. Năm 2022, Việt Nam đứng thứ 3 thế giới về xuất khẩu thủy sản.

d. Sản phẩm thủy sản xuất khẩu của Việt Nam chỉ trong khu vực châu Á.

Câu 7: Điều kiện thuận lợi cho việc đánh bắt và nuôi trồng có thể diễn ra quanh năm với nhiều loại thủy sản nhiệt đới có giá trị là ….

Câu 8: Các hoạt động lâm nghiệp gồm ….

Câu 9: Sản lượng gỗ khai thác có xu hướng ….

Câu 10: Sản lượng và chất lượng sản phẩm nuôi trồng ….

HƯỚNG DẪN GIẢI

Câu 1: Khó khăn nào sau đây là chủ yếu đối với nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay?

A. Dịch bệnh thường xuyên xảy ra trên diện rộng.

B. Nguồn giống tự nhiên ở một số vùng khan hiếm.

C. Diện tích mặt nước ngày càng bị thu hẹp nhiều.

D. Nhiều nơi xâm nhập mặn diễn ra rất nghiêm trọng.

Cách giải:

Dịch bệnh thường xuyên xảy ra trên diện rộng là khó khăn chủ yếu đối với nuôi trồng thuỷ sản ở nước ta hiện nay.

Chọn A.

Câu 2: Diện tích rừng sản xuất nước ta tập trung chủ yếu ở

A. vùng đồi, trung du.

B. vùng ngập mặn ven biển.

C. vùng giáp biên giới.

D. dải đồi núi giáp biển.

Cách giải:

Diện tích rừng sản xuất nước ta tập trung chủ yếu ở vùng đồi, trung du.

Chọn A.

Câu 3: Thuận lợi chủ yếu của biển nước ta đối với việc khai thác thủy sản nước ta là

A. tàu thuyền, ngư cụ được trang bị tốt hơn.

B. dịch vụ thủy sản phát triển rộng khắp.

C. chế biến thủy sản ngày càng phát triển.

D. nhân dân có kinh nghiệm khai thác thủy sản.

Cách giải:

Thuận lợi chủ yếu của biển nước ta đối với việc khai thác thủy sản nước ta là tàu thuyền, ngư cụ được trang bị tốt hơn.

Chọn A.

Câu 4: Ngành lâm nghiệp có vị trí đặc biệt trong cơ cấu kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ nước ta do

A. nhu cầu về tài nguyên rừng rất lớn và phổ biến.

B. diện tích ¾ là đồi núi, lại có vùng rừng ngập mặn ven biển.

C. độ che phủ nước ta tương đối lớn và hiện đang gia tăng.

D. rừng giàu có về kinh tế và môi trường sinh thái.

Cách giải:

Ngành lâm nghiệp có vị trí đặc biệt trong cơ cấu kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ nước ta do diện tích ¾ là đồi núi, lại có vùng rừng ngập mặn ven biển.

Chọn B.

Câu 5: Cho đoạn văn sau, hãy chọn đúng hoặc sai

Tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt 5,0 – 5,5%/năm. Giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản ngoài gỗ đạt khoảng 20 tỷ USD vào năm 2025, trong đó giá trị xuất khẩu lâm sản ngoài gỗ đạt trên 1,5 tỷ USD, tăng tỷ trọng chế biến sâu và xuất khẩu các sản phẩm gỗ và lâm sản có giá trị tăng cao; góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người tham gia các hoạt động bảo vệ rừng và phát triển rừng. Đến năm 2025, thu nhập từ rừng trồng là rừng sản xuất tăng bình quân khoảng 1,5 lần/đơn vị diện tích so với năm 2020.

(Nguồn: https://baochinhphu.vn/phat-trien-lam-nghiep-tro-thanh-nganh-kinh-te-ky-thuat-hien-dai-102220712121716965.htm)

a. Tăng tỷ trọng chế biến sâu, xuất khẩu các sản phẩm gỗ và lâm sản có giá trị.

b. Tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp giảm và giảm 5,0%/năm.

c. Rừng góp phần tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

d. Giá trị xuất khẩu lâm sản ngoài gỗ đạt dưới 1,5 tỷ USD.

Cách giải:

a, c – đúng

b, d – sai

Câu 6: Cho đoạn văn sau, hãy chọn đúng hoặc sai

Ngành thủy sản đã có những bước phát triển và hội nhập với nhiều thành tựu nổi bật. Đặc biệt, trong giai đoạn từ năm 1995 đến nay, ngành thủy sản đã đạt những bứt phá vượt bậc. Sản lượng thủy sản năm 2023 đạt hơn 9,3 triệu tấn, gấp 7,1 lần so với năm 1995, nuôi trồng thủy sản đạt 5,5 triệu tấn, gấp hơn 5 lần so với năm 1995. Cơ cấu sản lượng thủy sản có bước chuyển dịch tích cực, tỷ trọng sản lượng nuôi trồng tăng từ 31% năm 1995 lên gần 57% năm 2023. Sản phẩm thủy sản Việt Nam đã xuất khẩu tới hơn 170 thị trường, kim ngạch xuất khẩu lần đầu vượt ngưỡng 1 tỷ USD năm 1999 và gần 11 tỷ USD năm 2022, đưa Việt Nam vào vị trí số 3 trong số các quốc gia xuất khẩu thủy sản lớn nhất thế giới (chỉ đứng sau Trung Quốc và Na Uy).

(Nguồn: https://tongcucthuysan.gov.vn/vi-vn/th%E1%BB%A7y-s%E1%BA%A3n-vi%E1%BB%87t-nam/doc-tin/020521/2024-04-02/phat-trien-ben-vung-kinh-te-bien-viet-nam)

a. Trong giai đoạn 1995 – 2023, sản lượng thủy sản có xu hướng giảm.

b. Tỷ trọng sản lượng nuôi trồng thủy sản có xu hướng tăng.

c. Năm 2022, Việt Nam đứng thứ 3 thế giới về xuất khẩu thủy sản.

d. Sản phẩm thủy sản xuất khẩu của Việt Nam chỉ trong khu vực châu Á.

Cách giải:

b, c– đúng

a, d – sai

Câu 7: Điều kiện thuận lợi cho việc đánh bắt và nuôi trồng có thể diễn ra quanh năm với nhiều loại thủy sản nhiệt đới có giá trị là ….

Cách giải:

kiện thuận lợi cho việc đánh bắt và nuôi trồng có thể diễn ra quanh năm với nhiều loại thủy sản nhiệt đới có giá trị là khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 8: Các hoạt động lâm nghiệp gồm ….

Cách giải:

Các hoạt động lâm nghiệp gồm lâm sinh; khai thác, chế biến gỗ và lâm sản.

Câu 9: Sản lượng gỗ khai thác có xu hướng ….

Cách giải:

Sản lượng gỗ khai thác có xu hướng tăng liên tục qua các năm.

Câu 10: Sản lượng và chất lượng sản phẩm nuôi trồng ….

Cách giải:

Sản lượng và chất lượng sản phẩm nuôi trồng tăng nhanh.